

*Than Uyên, ngày 14 tháng 5 năm 2021*

Số: 31/2021/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th; Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Khu a, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Kiều Văn H; Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Khu a, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tThanh ngày 06 tháng 5 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Kiều Văn H.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Kiều Văn H thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con sau khi ly hôn:** Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Kiều Văn H có ba con chung chưa thành niên là cháu **Kiều Thanh H**, sinh ngày **01/01/2007**, cháu **Kiều Nguyễn Q A**, sinh ngày **02/05/2019** và cháu **Kiều Nguyễn T Đ**, sinh ngày **02/05/2019**. Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Kiều Văn H thỏa thuận về nuôi con sau khi ly hôn như sau:

**Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Th** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung chưa thành niên là các cháu **Kiều Thanh H**, cháu **Kiều Nguyễn Q A** và cháu **Kiều Nguyễn T Đ** cho đến khi cháu Huyền, cháu Q A, cháu T Đ thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Kiều Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Kiều Thanh H** mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); cấp dưỡng nuôi cháu **Kiều Nguyễn Q A** và cháu **Kiều Nguyễn T Đ** mỗi cháu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, kể từ ngày 20/5/2021 cho đến khi mỗi cháu **H, Q A, T Đ** niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với chị Th theo Quyết định của Tòa án. Chị Th có quyền yêu cầu anh H cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** **Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Kiều Văn H** tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Kiều Văn H mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Anh H phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị là để chị Th nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh H phải nộp. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Th phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2016/0000606 ngày 24/02/2021 tại Chi cục thi Thnh án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA (TAND T. Lai Châu);
- VKSND huyện Than Uyên;
- CCTHA dân sự huyện Than Uyên;
- UBND xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, TP Th Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Quàng Thị Phương**